

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **82/QĐ-UBND**

Minh Tân, ngày 04 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tân khoá XX- kỳ họp thứ ba về việc phê chuẩn tổng quyết toán thu chi ngân sách ở địa phương năm 2022;

Xét đề nghị của cán Cán bộ Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Minh Tân.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phù Cừ;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Các trưởng thôn trong xã
- Lưu VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Số: 28/TB-UBND

Minh Tân, ngày 04 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

(V/v niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022)

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Phù Cừ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tân khoá XX về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Minh Tân về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 04/07/2023 của UBND xã Minh Tân về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2022;

Nay UBND xã Minh Tân thông báo về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện quyết toán năm 2022 cụ thể như sau:

1/ Thời gian niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022 kể từ hồi 7 giờ 00 phút ngày 04 tháng 7 năm 2023 đến 7 giờ 00 phút ngày 05 tháng 8 năm 2023.

2/ Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND xã Minh Tân.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu công chức Tài chính kế toán xã, Đài truyền thanh xã, các Ông Trưởng thôn thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng uỷ- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Đài TT xã;
- Trưởng thôn;
- Lưu: VT.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Minh Tân, ngày 04 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân nhà nước năm 2017; số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ vào Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Phù Cừ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tân khoá XX về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Minh Tân về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

I. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách năm 2022 dự toán giao : 34.467.824.000 đồng. Thực hiện thu là: 39.620.753.679 đồng, đạt 114,95 % dự toán, so với cùng kỳ năm 2021 đã thực hiện thu 15.630.983.300 đồng, bằng 250%.

a. Các khoản thu 100%

Dự toán giao: 196.000.000 đồng; Thực hiện thu năm 2022: 7.153.449.844 đồng, đạt 3649,72 % dự toán, so với cùng kỳ năm 2021: 449.011.393 đồng bằng 1.590 % so với năm 2021, cụ thể là:

Thu phí, lệ phí: Dự toán huyện và Nghị quyết HĐND xã giao: 16.000.000 đồng, đã thực hiện thu: 25.002.036 đồng, đạt 156,26 % dự toán.

Thu từ hoa lợi công sản và quỹ đất công tại xã: Dự toán huyện và nghị quyết HĐND xã giao: 120.000.000 đồng; đã thực hiện thu : 883.615.208 đồng, đạt 736,35 % dự toán.

Thu khác ngân sách: Dự toán huyện và Nghị quyết HĐND xã giao: 60.000.000, thực hiện thu 6.244.832.600 đồng bằng 10.408,05% dự toán.

b. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)

Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % dự toán: 29.018.192.000 đồng. Thực hiện: 16.780.304.627 đồng đạt 57,83 % dự toán, so với cùng kỳ năm 2021 thu là: 7.873.210.620 đồng, so với năm 2021 bằng 210 %, cụ thể các khoản thu như sau:

Thuế GTGT-TNDN dự toán: 18.000.000 đồng, thực hiện: 128.132.045 đồng, đạt 711,84 % dự toán.

Thuế thu nhập cá nhân dự toán: 95.000.000 đồng, thực hiện: 184.373.940 đồng đạt 194,08 % dự toán.

Lệ phí trước bạ nhà đất dự toán: 215.000.000 đồng, thực hiện: 238.872.021 đồng đạt 111,1 % dự toán.

Tiền sử dụng đất dự toán HĐND xã giao: 28.650.000.000 đồng đã thực hiện thu: 16.105.339.600 đồng đạt 56,21% dự toán.

Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: Dự toán huyện và NQ HĐND xã không giao đã thực hiện thu: 3.300.000 đồng.

Thu tiền thuê mặt đất mặt nước: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 192.000 đồng đã thực hiện thu: 192.000 đồng, đạt 100% dự toán giao.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp dự toán: 40.000.000 đồng thực hiện thu: 120.095.021 đồng đạt 300,24 % dự toán.

c. Thu chuyển nguồn: 376.914.166 đồng.

c. Thu bổ sung ngân sách từ ngân sách cấp trên cụ thể: 10.658.859.000 đồng đạt 202,89% dự toán.

Thu bổ sung cân đối ngân sách dự toán UBND huyện và HĐND xã giao: 5.253.632.000 đồng đã thực hiện thu: 5.253.632.000 đồng đạt 100 % dự toán.

Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên dự toán huyện và NQ HĐND xã không giao đã thực hiện thu: 5.405.227.000 đồng.

d. Thu kết dư ngân sách năm trước: 4.651.226.042 đồng.

2. Chi ngân sách xã

- Dự toán giao: 34.467.824.000 đồng

- Thực hiện chi: 35.125.320.119 đồng, đạt 101,91 % dự toán giao, so với cùng kỳ năm 2021 chi là: 10.979.757.258 bằng 320 % năm 2021.

a. Chi đầu tư phát triển

- Dự toán giao năm 2022: 28.650.000.000 đồng đã thực hiện chi: 23.044.331.000 đồng đạt 83,17 % dự toán so với cùng kỳ năm 2021 chi đầu tư: 4.456.295.094 đồng bằng 520 % so với năm 2021.

b. Chi thường xuyên

Dự toán giao: 5.817.824.000 đồng, Thực hiện chi: 11.297.652.119 đồng, đạt 194,19 % dự toán; so với năm 2021 chi: 6.523.462.164 đồng bằng 170% năm 2021 gồm các khoản chi cụ thể như sau:

1- Chi dân quân tự vệ dự toán: 126.085.000 đồng; đã thực hiện chi: 219.692.440 đồng, đạt 174,24 % dự toán.

2- Chi an ninh trật tự dự toán: 131.520.000 đồng; đã thực hiện chi : 131.492.300 đồng, đạt 99,98 % dự toán .

3- Sự nghiệp y tế dự toán: 53.244.000 đồng; đã thực hiện chi: 70.665.212 đồng, đạt 132,72 % dự toán. Nguyên nhân tăng so với dự toán là do chi cho phòng chống dịch bệnh Covid-19.

4- Sự nghiệp văn hóa thông tin dự toán: 10.000.000 đã thực hiện chi 410.000.000 đồng đạt 4100 %.

5- Chi đài truyền thanh dự toán: 28.046.000 đồng , thực hiện 17.513.500 đồng , đạt 62,45 % dự toán.

6- Chi sự nghiệp thể dục thể thao dự toán: 10.000.000, đã thực hiện chi 32.148.040 đồng đạt 321,48% dự toán.

7- Chi bảo vệ môi trường dự toán: 85.000.000 đồng; đã thực hiện chi: 108.234.000 bằng 127,33 % dự toán. (Nguyên nhân chi tăng là do chi xây hồ xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình).

8- Chi sự nghiệp kinh tế dự toán: 30.000.000 đồng đã thực hiện chi: 934.126.000 đồng bằng 3113,75 % dự toán. (Nguyên nhân tăng so với dự toán là do thực hiện chi sửa chữa nâng cấp đường GTNT.....).

9- Chi sự nghiệp xã hội dự toán: 122.247.000 đồng, thực hiện : 139.008.000 đồng, đạt 113,71 % dự toán.

10- Chi quản lý Nhà nước dự toán: 3.413.848.000 đồng; Thực hiện: 2.289.882.988 đồng , đạt 67,08% dự toán.

11- Chi cho Đảng cộng sản Việt Nam dự toán: 600.075.000 đồng, thực hiện: 623.707.610 đồng đạt 103,94 % dự toán.

12- Chi cho Mặt trận tổ quốc Việt Nam dự toán: 203.500.000 đã thực hiện chi: 200.435.700 đồng đạt 98,49 % dự toán.

13- Chi cho đoàn TNCS Hồ Chí Minh dự toán: 168.240.000 đồng đã thực hiện chi: 166.696.000 đồng đạt 99,08 % dự toán.

14- Chi cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam dự toán: 120.000.000 đồng đã thực hiện chi: 122.295.300 đồng đạt 101,91 % dự toán.

15- Chi cho hội nông dân Việt Nam dự toán 138.000.000 đồng đã thực hiện chi: 139.648.300 đồng đạt 101,19 % dự toán.

16- Chi cho Hội cựu chiến binh Việt Nam dự toán: 157.923.000 đồng đã thực hiện chi 165.912.300 đồng đạt 106,06 % dự toán.

17- Chi cho hội chữ thập đỏ dự toán: 31.608.000 đồng đã thực hiện chi: 30.176.720 đồng đạt 95,47 % dự toán.

18- Chi cho hội người cao tuổi dự toán: 53.488.000 đồng đã thực hiện chi: 54.918.900 đồng đạt 102,68 % dự toán.

19-Chi cho hội khuyến học dự toán: 5.000.000 đồng đã thực hiện chi: 5.000.000 đồng đạt 100% dự toán.

20-Trích lập quỹ thi đua khen thưởng: Dự toán giao: 20.000.000 đồng đã thực hiện trích lập: 20.000.000 đồng bằng 100% dự toán.

21-Chi khác dự toán giao: 5.000.000 đồng đã thực hiện chi 4.957.620 đồng bằng 99,15% dự toán.

22-Chi chuyển nguồn sang năm sau: 5.161.204.789 đồng.

23-Nộp trả ngân sách cấp trên: 249.936.400 đồng.

III. Kết dư ngân sách năm 2022

Tổng thu ngân sách năm 2022: 39.620.753.679 đồng

Tổng chi ngân sách năm 2022: 35.125.320.119 đồng

Số kết dư chuyển sang năm 2023: 4.495.433.560 đồng.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện thu chi ngân sách xã năm 2022. Ủy ban nhân dân xã trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thành

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	39,620,754	Tổng số chi	35,125,320
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	7,153,450	I. Chi đầu tư phát triển	23,827,668
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	16,780,305	II. Chi thường xuyên	5,886,511
III. Thu bổ sung	10,658,859	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	5,161,205
- Bổ sung cân đối	5,253,632	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	249,936
- Bổ sung có mục tiêu	5,405,227		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	4,651,226		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	376,914		
Kết dư ngân sách	4,495,434		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	47,695,592	34,467,824	40,457,778	39,620,754	84.82	114.95
I	Các khoản thu 100%	196,000	196,000	7,153,450	7,153,450	3649.72	3649.72
1	Phí, lệ phí	16,000	16,000	25,002	25,002	156.26	156.26
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	120,000	120,000	883,615	883,615	736.35	736.35
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	60,000	60,000	6,244,833	6,244,833	10408.05	10408.05
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	42,245,960	29,018,192	17,617,328	16,780,305	41.7	57.83
1	Các khoản thu phân chia	470,000	255,000	601,139	362,267	127.9	142.07
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40,000	40,000	120,095	120,095	300.24	300.24
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			3,300	3,300		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	430,000	215,000	477,744	238,872	111.1	111.1
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	41,775,960	28,763,192	17,016,189	16,418,038	40.73	57.08
21	Thu tiền sử dụng đất	41,500,000	28,650,000	16,105,340	16,105,340	38.81	56.21
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	960	192	960	192	100	100
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	45,000	18,000	450,834	128,132	1001.85	711.84
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	230,000	95,000	459,056	184,374	199.59	194.08
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			376,914	376,914		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			4,651,226	4,651,226		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,253,632	5,253,632	10,658,859	10,658,859	202.89	202.89
1	Thu bổ sung cân đối	5,253,632	5,253,632	5,253,632	5,253,632	100	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu			5,405,227	5,405,227		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	34,467,824	28,650,000	5,817,824	35,125,319	23,827,668	11,297,651	100.35	83.17	186.31
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	257,605	0	257,605	351,184	0	351,184	136.327		136.33
	Chi dân quân tự vệ	126,085		126,085	219,692		219,692	174.241		174.241
	Chi trật tự an toàn xã hội	131,520		131,520	131,492		131,492	99.979		99.979
2	Chi giáo dục									
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế	53,244		53,244	70,665		70,665	132.719		132.719
5	Chi văn hóa, thông tin	2,428,000	2,418,000	10,000	410,000		410,000	16.886		4100.0
6	Chi phát thanh, truyền thanh	28,046		28,046	17,514		17,514	62.447		62.447
7	Chi thể dục, thể thao	10,000		10,000	32,148		32,148	321.480		321.480
8	Chi bảo vệ môi trường	2,085,000	2,000,000	85,000	1,788,750	1,680,516	108,234	85.791	84.03	127.334
9	Chi các hoạt động kinh tế	11,895,000	11,865,000	30,000	22,131,278	21,197,152	934,126	186.055	178.65	3113.753
	Giao thông	0			5,597,152	4,697,152	900,000			
	Nông- Lâm- thủy lợi- Hải sản	20,000		20,000	34,126		34,126	170.630		170.630
	Thị chính	0			16,500,000	16,500,000				
	Các hoạt động kinh tế khác	10,000		10,000	0			0.000		0.000
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	17,278,682	12,367,000	4,911,682	4,748,674	950,000	3,818,674	27.483	7.68	77.747
11	Chi cho công tác xã hội	122,247		122,247	139,008		139,008	113.711		113.711
12	Chi khác	5,000		5,000	4,957		4,957	99.140		99.140
13	Dự phòng	305,000		305,000	0			0.000		0.000
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				5,161,205		5,161,205			
15	Dự phòng tăng lương thường xuyên				0					
14	Nộp trả ngân sách cấp trên				249,936		249,936			

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ				815,918,680	550,005,326	265,913,354
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng				815,918,680	550,005,326	265,913,354
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa				68,964,403	28,023,870	40,940,533
- Quỹ bảo trợ trẻ em				36,840,374	22,366,500	14,473,874
- Quỹ Lao động công ích				268,678,878	122,160,056	146,518,822
- Quỹ phong trào				40,793,000	20,785,500	20,007,500
- Bến bãi				675,031,000	356,669,400	318,361,600

